

BẢNG GIÁ SỐ 10**BẢNG GIÁ ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP***(Ban hành kèm Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)*ĐVT: đồng/m²

STT	Tên Khu/cụm CN	Tên đường (Khu)		Vị trí	Giá đất
1	Khu công nghiệp Trà Đa			Toàn khu	247.000
2	Khu tiểu thủ công nghiệp Diên Phú			Toàn khu	367.000
3	Khu công nghiệp Nam Pleiku			Toàn khu	214.000
4	Khu công nghiệp Đăk Đoa			Toàn khu	210.000
5	Cụm Công nghiệp Phú An (xã Ya Hội)			Toàn khu	200.000
6	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Quốc lộ 19	Đường QH D1 (cạnh lô 79) đến Đường QH D1 (cạnh lô 67)	479.000
7	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường QH D1 (cạnh lô 67) đến Đường D2 (cạnh Bưu điện)	540.000
8	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường D2 (cạnh Bưu điện) đến Hết ranh giới Trạm kiểm soát liên hợp	591.000
9	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	Khu vực phía bắc đường Quốc lộ	Đường tuyến 2	Đường QH D3 (cạnh bến xe) đến Đường QH D4 (cạnh Chợ)	428.000
10	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường QH D4 (cạnh Chợ) đến Đường QH D2 (cạnh Bưu điện)	377.000

STT	Tên Khu/cụm CN	Tên đường (Khu)		Vị trí	Giá đất
11	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	19 (Thuộc địa giới hành chính xã Ia Dom)		Đường QH D2 (cạnh Bưu điện) đến Đường QH D1 (cạnh lô 67)	326.000
12	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường QH D1 (cạnh lô 67) đến Đường QH D1 (cạnh lô 79)	265.000
13	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	Khu vực phía bắc đường Quốc lộ 19 (Thuộc địa giới hành chính xã Ia Dom)	Đường tuyến 3	Đường QH D3 (cạnh bến xe) đến Đường QH D2 (cạnh Bưu điện)	326.000
14	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường QH D2 (cạnh Bưu điện) đến hết đường	265.000
15	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường tuyến 4	Đường QH D3 (cạnh bến xe) đến Đường QH D1 (cạnh lô 67)	214.000
16	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường QH D1 (cạnh lô 67) đến Đường QH D1 (cạnh lô 79)	163.000
17	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D3 (song song và cách Quốc lộ 19 50m)	Đường QH (cạnh lô 45) đến Đường QH D1 (cạnh lô 67)	428.000
18	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường QH D1 (cạnh lô 67) đến Hết đường (đường QH cạnh lô 77)	377.000
19	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch (giữa Quốc lộ 19 và đường tuyến 2)	Đường QH D4 (cạnh Chợ) đến Đường QH D2 (cạnh Bưu điện)	479.000
20	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường QH D3 (cạnh lô 47) đến Đường QH D1 (cạnh lô 67)	377.000
21	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường QH D3 (cạnh lô 65) đến Đường QH D1 (cạnh lô 79)	326.000
22	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 2	479.000

STT	Tên Khu/cụm CN	Tên đường (Khu)		Vị trí	Giá đất
23	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D4 (cạnh chợ)	Đường tuyến 2 đến Đường tuyến 3	428.000
24	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D4 (cạnh lô số 25)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 2	428.000
25	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường tuyến 2 đến Đường tuyến 3	377.000
26	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D3 (cạnh chợ)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 2	479.000
27	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường tuyến 2 đến Đường tuyến 3	458.000
28	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	Đường tuyến 3 đến Hết đường (cạnh lô 19)		407.000	
29	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	Khu vực phía bắc đường Quốc lộ 19 (Thuộc địa giới hành chính xã Ia Dom)	Đường quy hoạch D2 (cạnh Bưu điện)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 2	407.000
30	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường tuyến 2 đến Đường tuyến 3	357.000
31	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường tuyến 3 đến Hết đường (cạnh lô 19)	306.000
32	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D4 (cạnh lô 32)	Đường tuyến 2 đến Đường tuyến 4	357.000
33	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D3 (cạnh lô 44)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 2	407.000
34	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	Đường tuyến 2 đến Đường tuyến 4		357.000	

STT	Tên Khu/cụm CN	Tên đường (Khu)		Vị trí	Giá đất
35	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D3 (cạnh lô 53)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 2	357.000
36	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D3 (cạnh lô 60)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 2	357.000
37	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 4	306.000
38	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D1 (cạnh lô 66)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 4	306.000
39	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch (cạnh lô 71)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 4	255.000
40	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D3 (cạnh lô 77)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 4	255.000
41	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D1 (cạnh lô 79)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 4	255.000
42	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Khu phi thuế quan	Toàn khu	300.000
43	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	Khu vực phía nam đường	Đường tuyến 2	Đường QH D2 (cạnh Bưu điện) đến Đường QH D3 (cạnh lô 57)	265.000
44	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	Quốc lộ 19 (Thuộc địa giới)	Đường tuyến 3	Đường QH D2 (cạnh Bưu điện) đến Đường QH D1 (cạnh lô 79)	214.000

STT	Tên Khu/cụm CN	Tên đường (Khu)		Vị trí	Giá đất
45	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	hành chính xã Ia Nan)	Đường quy hoạch D3 (song song và cách Quốc lộ 19 50m)	Đường QH (cạnh lô 45) đến Hết đường (đường QH cạnh lô 70)	428.000
46	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D2 (cạnh Bưu điện)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 3	407.000
47	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D3 (cạnh lô 44)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 3	357.000
48	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D3 (cạnh lô 53)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 3	357.000
49	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D3 (cạnh lô 60)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 3	357.000
50	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D3 (cạnh lô 66)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 3	357.000
51	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D3 (cạnh lô 80)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 3	255.000
52	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D1 (cạnh lô 79)	Quốc lộ 19 đến Đường tuyến 3	255.000

STT	Tên Khu/cụm CN	Tên đường (Khu)		Vị trí	Giá đất
53	Khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường quy hoạch D4 (cạnh lô 81)	Đường quy hoạch D3 (cạnh lô 80) đến Đường quy hoạch D1 (cạnh lô 79)	255.000
54	Khu Công nghiệp Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Đường Quốc lộ 19	Đường QH D2 (Giáp với Khu Trung tâm) đến Đường QH D1 (Khu A)	407.000
55	Khu Công nghiệp Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh			Đường QH D1 (Khu A) đến hết khu QH khu công nghiệp (giáp bãi đá)	357.000
56	Khu Công nghiệp Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Khu A	Lô: A1, A2, A3, A4, A5	306.000
57	Khu Công nghiệp Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh		Khu A	Lô: A6, A7, A8, A9, A10, A11, A12	255.000
58	Khu Công nghiệp Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh (khu mới)			Toàn khu	200.000
59	Cụm Công nghiệp An Khê			Toàn khu	250.000
60	Cụm Công nghiệp Bình Định (nay là phường Bình Định)			Toàn khu	552.000
61	Cụm Công nghiệp Nhơn Hòa (nay là phường An Nhơn Nam)			Toàn khu	405.000
62	Cụm Công nghiệp Gò Đá trắng			Toàn khu	552.000
63	Cụm Công nghiệp Thanh Liêm			Toàn khu	552.000
64	Cụm Công nghiệp Tân Đức (Nhơn Mỹ) (nay là phường An Nhơn)			Toàn khu	209.000
65	Khu Công nghiệp Nhơn Hòa (nay là phường An Nhơn Nam)			Toàn khu	466.000

STT	Tên Khu/cụm CN	Tên đường (Khu)		Vị trí	Giá đất
66	Cụm Công nghiệp An Trường			Toàn khu	307.000
67	Cụm Công nghiệp Nhơn Tân 1 (nay là xã An Nhơn Tây)			Toàn khu	307.000
68	Cụm Công nghiệp An Mơ			Toàn khu	307.000
69	Cụm Công nghiệp Đồ Hòa Sơn			Toàn khu	319.000
70	Cụm Công nghiệp Nhơn Phong (nay là phường An Nhơn Bắc)			Toàn khu	368.000
71	Cụm Công nghiệp Gò Bui			Toàn khu	158.000
72	Cụm Công nghiệp Gò Cây Duối			Toàn khu	191.000
73	Cụm Công nghiệp Thiết Định (thuộc phường Bồng Sơn)			Toàn khu	226.000
74	Cụm Công nghiệp Mở rộng Bồng Sơn (nay là phường Bồng Sơn)			Toàn khu	266.000
75	Khu chế biến thủy sản tập trung phường Tam Quan Bắc (nay là phường Hoài Nhơn Bắc)			Toàn khu	226.000
76	Cụm công nghiệp Tam Quan (nay là phường Tam Quan)			Toàn khu	266.000
77	Cụm công nghiệp Hoài Sơn (nay là phường Hoài Nhơn Bắc)			Toàn khu	135.000
78	Cụm công nghiệp Ngọc An Hoài Thanh Tây (nay là phường Hoài Nhơn)			Toàn khu	245.000
79	Cụm công nghiệp Ngọc Sơn Hoài Thanh Tây Tây (nay là phường Hoài Nhơn)			Toàn khu	209.000
80	Cụm công nghiệp Hoài Tân (nay là phường Hoài Nhơn Nam)			Toàn khu	209.000

STT	Tên Khu/cụm CN	Tên đường (Khu)		Vị trí	Giá đất
81	Cụm công nghiệp Hoài Hảo (nay là phường Hoài Nhơn Tây)			Toàn khu	172.000
82	Cụm công nghiệp Hoài Châu (nay là phường Tam Quan)			Toàn khu	154.000
83	Cụm công nghiệp Đệ Đức Hoài Tân (nay là phường Hoài Nhơn Nam)			Toàn khu	172.000
84	Cụm công nghiệp Hoài Hương (nay là phường Hoài Nhơn Đông)			Toàn khu	172.000
85	Cụm công nghiệp Dốc Truong Sỏi (thuộc thị trấn Tăng Bạt Hổ)			Toàn khu	245.000
86	Cụm công nghiệp Gò Bằng (xã Ân Mỹ)			Toàn khu	209.000
87	Cụm Công nghiệp Bình Dương (thuộc thị trấn Bình Dương) (nay là xã Bình Dương)			Toàn khu	319.000
88	Cụm Công nghiệp Đại Thạnh (thuộc xã Mỹ Hiệp), (Kể cả Khu đất thuê của Doanh nghiệp tư nhân Minh Phú)			Toàn khu	319.000
89	Cụm Công nghiệp Diêm Tiêu (thuộc thị trấn Phù Mỹ) (nay là xã Phù Mỹ)			Trục đường chính	490.000
90	Cụm Công nghiệp Diêm Tiêu (thuộc thị trấn Phù Mỹ) (nay là xã Phù Mỹ)			Các tuyến đường khác	282.000
91	Cụm công nghiệp Mỹ Thành (nay là xã An Lương)			Toàn khu	209.000
92	Cụm công nghiệp An Lương xã Mỹ Chánh (nay là xã An Lương)			Toàn khu	172.000
93	Làng nghề hải sản khô xuất khẩu Mỹ An			Các lô đất quay mặt đường tỉnh lộ 639	209.000
94	Làng nghề hải sản khô xuất khẩu Mỹ An			Các lô đất thuộc đường nội bộ Làng nghề	172.000

STT	Tên Khu/cụm CN	Tên đường (Khu)		Vị trí	Giá đất
95	Cụm Công nghiệp Gò Mít (thuộc thị trấn Ngõ Mây) (nay là xã Phù Cát)			Toàn khu	209.000
96	Cụm Công nghiệp Cát Nhơn (nay là xã Xuân An)			Toàn khu	172.000
97	Khu Công nghiệp Hòa Hội (nay là xã Hòa Hội)			Toàn khu	209.000
98	Cụm Công nghiệp Cát Trinh (nay là xã Phù Cát)			Toàn khu	245.000
99	Cụm Công nghiệp Cát Khánh (nay là xã Đề Gi)			Toàn khu	172.000
100	Cụm Công nghiệp xã Phước An			Toàn khu	490.000
101	Cụm Công nghiệp Phú An (xã Tây Xuân)			Vị trí nằm dọc theo đường bê tông chính	294.000
102	Cụm Công nghiệp Phú An (xã Tây Xuân)			Vị trí trong các đường giao thông nội bộ	245.000
103	Cụm Công nghiệp Phú An (xã Tây Xuân)			Khu vực sản xuất nước mắm	209.000
104	Cụm Công nghiệp Hóc Bơm (xã Bình Nghi)			Toàn khu	245.000
105	Cụm Công nghiệp Cầu nước Xanh (xã Bình Nghi)			Toàn khu	294.000
106	Cụm công nghiệp Bình Nghi (xã Bình Nghi)			Toàn khu	294.000
107	Cụm công nghiệp Tây Xuân (xã Tây Xuân)			Toàn khu	245.000
108	Cụm công nghiệp Gò Cây (thôn Kiên Long xã Bình Thành)			Toàn khu	245.000
109	Cụm công nghiệp Gò Đá (thôn Hòa Sơn Bình Tường)			Toàn khu	209.000

STT	Tên Khu/cụm CN	Tên đường (Khu)		Vị trí	Giá đất
110	Cụm Công nghiệp Gò Giữa (thôn Thượng Giang Tây Giang)			Toàn khu	209.000
111	Cụm Công nghiệp Bình Tân (thôn Mỹ Thạch Bình Tân)			Toàn khu	172.000
112	Cụm Công nghiệp rẫy Ông Thơ (xã Tây An)			Toàn khu	172.000
113	Cụm công nghiệp cầu 16 (xã Tây Thuận)			Toàn khu	209.000
114	Cụm công nghiệp Trường Định (xã Bình Hòa)			Toàn khu	245.000
115	Cụm Công nghiệp Canh Vinh (thuộc PISICO)			Toàn khu	191.000
116	Cụm Công nghiệp thị trấn Vân Canh			Toàn khu	158.000
117	Cụm công nghiệp Canh Vinh (thuộc UBND huyện Vân Canh cũ)			Toàn khu	191.000
118	Cụm công nghiệp Tà Súc			Toàn khu	191.000
119	Khu Công nghiệp Phú Tài			Phần mở rộng thuộc xã Tuy Phước Tây, giáp phường Quy Nhơn Bắc	429.000
120	Khu Công nghiệp Phú Tài			Khu Công nghiệp Phú Tài giai đoạn 1, 2, 3 (mở rộng về phía Bắc) và mở rộng về phía Đông Núi Hòn Chà (thuộc phường Trần Quang Diệu)	429.000
121	Khu Công nghiệp Phú Tài			Khu Công nghiệp Phú Tài mở rộng về phía Nam và mở rộng về phía Đông Núi Hòn Chà (thuộc phường Bùi Thị Xuân)	331.000

STT	Tên Khu/cụm CN	Tên đường (Khu)		Vị trí	Giá đất
122	Khu Công nghiệp Long Mỹ			Toàn khu	203.000
123	Cụm Công nghiệp Nhơn Bình (nay là phường Quy Nhơn Đông)			Toàn khu	490.000
124	Cụm Công nghiệp Quang Trung			Toàn khu	531.000
125	Cụm Công nghiệp Bùi Thị Xuân (nay là phường Quy Nhơn Tây)			Toàn khu	294.000
126	Cụm Công nghiệp Bình Thành			Toàn khu	240.000
127	Khu Công nghiệp Becamex Bình Định			Toàn khu	200.000
128	Cụm Công nghiệp Tây Giang			Toàn khu	240.000
129	Khu công nghiệp Nhơn Hội A (nay là phường Quy Nhơn Đông)			Toàn khu	300.000
130	Khu công nghiệp Nhơn Hội B (nay là phường Quy Nhơn Đông)			Toàn khu	300.000
131	Khu công nghiệp Bình Nghi			Toàn khu	240.000
132	Khu công nghiệp Cát Trinh (nay là xã Phù Cát)			Toàn khu	240.000
133	Khu công nghiệp Phù Mỹ (nay là xã Phù Mỹ)			Toàn khu	200.000